

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỐI CAO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy mô đầu tư xây dựng
trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân các cấp

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam số 4601:2012 yêu cầu thiết kế Công sở cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dung trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ các quy định khác của pháp luật hiện hành;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân các cấp*” trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 36/QĐ-VKSTC ngày 26/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành quy định quy mô, tiêu chuẩn trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
 - Các Phó viện trưởng VKSND tối cao;
 - Bộ Tài chính (để báo cáo);
 - Công thông tin điện tử VKSND tối cao;
 - Lưu VT, C3.
- QT 60b.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

**QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRỤ SỞ LÀM VIỆC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-VKSTC ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

Để thực hiện thống nhất trong toàn Ngành về quy mô, tiêu chuẩn trụ sở làm việc, giúp các Chủ đầu tư thuận lợi trong công tác lập: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các cấp trong ngành Kiểm sát nhân dân đảm bảo điều kiện phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Quyết định này quy định quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân (không bao gồm VKSND tối cao; Cơ quan điều tra VKSND tối cao; Trường Đại học Kiểm sát (phân hiệu trường Đại học Kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh); các đơn vị sự nghiệp công lập: Báo Bảo vệ pháp luật, Viện khoa học kiểm sát và Viện kiểm sát quân sự các cấp).

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm; VKSND tỉnh, thành phố (gọi tắt là VKSND cấp tỉnh); VKSND khu vực.

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC

1. Căn cứ để xác định quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

Tổng diện tích xây dựng trụ sở bao gồm: diện tích làm việc theo chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng (diện tích sử dụng chung chưa bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc). Căn cứ để xác định như sau:

- Căn cứ số biên chế của đơn vị do Viện trưởng VKSND tối cao giao; được tính cho cả số hợp đồng lao động (gọi tắt là số cán bộ). Từ số cán bộ của đơn vị, căn cứ vào quy định của Chính phủ về định mức, tiêu chuẩn sử dụng trụ sở làm việc, để xác định diện tích làm việc cho từng chức danh, diện tích sử dụng chung.

- Căn cứ vào Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4601:2012, quy chuẩn việt nam 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng để xác định diện tích cầu thang và diện tích nhà xe.

- Căn cứ vào Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng để xác định diện tích chuyên dùng cho từng đơn vị.

2. Nhóm quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

2.1. Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm

- Nhóm 1: Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
- Nhóm 2: Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

2.2. VKSND cấp tỉnh có 4 nhóm

- Nhóm 1: Có số cán bộ từ 90 người trở xuống.
- Nhóm 2: Có số cán bộ từ 91 người đến 120 người.
- Nhóm 3: Có số cán bộ từ 121 người đến 150 người.
- Nhóm 4: Có số cán bộ từ 151 người đến 180 người.

2.3. VKSND cấp khu vực có 4 nhóm

- Nhóm 1: Có số cán bộ từ 20 người trở xuống.
- Nhóm 2: Có số cán bộ từ 21 người đến 35 người.
- Nhóm 3: Có số cán bộ từ 36 người đến 50 người.
- Nhóm 4: Có số cán bộ từ 51 người đến 65 người.

(Quy mô xây dựng từng nhóm được quy định như phụ lục kèm theo)

2.4. Các trường hợp khác

- Trường hợp cán bộ của đơn vị có số lượng người vượt trên các nhóm quy định nêu trên thì đơn vị được phép căn cứ số lượng cán bộ được giao thực tế để tính cụ thể diện tích làm việc, diện tích sử dụng chung cho từng chức danh theo quy định và diện tích chuyên dùng, sau đó trình lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, quyết định.

- Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nhóm về quy mô xây dựng cho phù hợp với điều kiện thực tế thì đơn vị phải có đề xuất xin ý kiến và được Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét quyết định trước khi thực hiện.

- Đối với VKSND thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh (bao gồm cả VKSND khu vực thuộc VKSND Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) và một số địa bàn có

ý nghĩa đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, các địa phương có điều kiện tự nhiên đặc thù thì quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các đơn vị này do Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

3. Các hạng mục đầu tư xây dựng xây dựng khác

Ngoài quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục chính được quy định tại phụ lục còn có các hạng mục sau:

- Công, hàng rào; Sân, đường nội bộ, cây xanh;
- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà;
- Hệ thống nước nóng, điện năng lượng mặt trời (nếu có);
- Hệ thống chống sét;
- Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng;
- Hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà;
- Hệ thống mạng thông tin liên lạc, mạng Internet, Camera;
- Hệ thống mạng truyền hình hội nghị;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Phòng chống mối;
- Cột cờ, biển hiệu cơ quan, phù hiệu ngành.

IV. DIỆN TÍCH KHUÔN VIÊN XÂY DỰNG TRỤ SỞ

1. Vị trí và diện tích đất xây dựng trụ sở

Vị trí xây dựng trụ sở VKSND tỉnh cần phải được bố trí ở trung tâm hành chính của địa phương; VKSND khu vực cần được bố trí trung tâm về khoảng cách địa lý trong phạm vi lãnh thổ mà VKSND khu vực đó được giao thẩm quyền để thuận lợi trong quan hệ công tác với các đơn vị trên địa bàn và thuận tiện cho người dân tới làm việc. Phù hợp với quy hoạch chung của địa phương đảm bảo tính lâu dài.

Diện tích khuôn viên cần tương xứng với các nhóm quy mô đầu tư xây dựng bảo đảm điều kiện hoạt động của đơn cụ thể:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và tương đương: từ 5.000m² - 15.000m².
- Viện kiểm sát nhân dân cấp khu vực và tương đương: từ 3.000m² - 8.000m².

Trường hợp địa phương cấp đất để xây dựng trụ sở làm việc thấp hơn hoặc cao hơn so với yêu cầu nêu trên thì đơn vị có văn bản xin ý kiến của VKSND tối cao trước khi thực hiện.

Khi tiến hành xin cấp đất mới cần làm việc với địa phương để hỗ trợ cấp đất sạch (*đất đã được đền bù giải phóng mặt bằng*) và đã có hạ tầng (*giao thông, cấp thoát nước, cấp điện*) hoàn chỉnh.

2. Quy hoạch tổng mặt bằng

Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng tổng thể của địa phương, bảo đảm tính ổn định, lâu dài, thuận lợi về giao thông, có không gian kiến trúc thoáng đãng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thông tin liên lạc, kết nối mạng internet đồng bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ngành và có khả năng mở rộng trong tương lai.

V. TIÊU CHUẨN KIẾN TRÚC, VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Thiết kế kiến trúc và vật liệu xây dựng phải thể hiện được tính hiện đại, lâu dài; thể hiện tính uy nghiêm của cơ quan bảo vệ pháp luật, phù hợp với cảnh quan môi trường và điều kiện tự nhiên theo vùng, miền.

1. Nhà làm việc

- Số tầng: Số tầng phù hợp với quy hoạch của địa phương. Để phù hợp với quy hoạch của địa phương (mật độ xây dựng, chiều cao tối đa...) các đơn vị có thể xây dựng tầng hầm để xe ô tô, xe máy, máy phát điện, máy bơm...

- Chiều rộng hành lang thông thủy tuân thủ Tiêu chuẩn Việt Nam số 4601:2012.

- Mái đổ bê tông trên lợp ngói hoặc lợp tôn chống nóng chống dột. Nền các phòng, hành lang lát gạch granit nhân tạo, ceramic hoặc tương đương; Bậc, chiếu nghỉ cầu thang, tam cấp, sảnh lát đá granit hoặc tương đương. Tường trần bả ma tít, lăn sơn toàn nhà hoặc làm trần thạch cao. Tường ngoài nhà có thể ốp đá tự nhiên hoặc vật liệu tương tự.

- Hệ thống cửa đi: gỗ tự nhiên nhóm 2, gỗ công nghiệp, nhựa composite hoặc cửa sắt giả gỗ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền.

- Hệ thống cửa sổ: sử dụng gỗ tự nhiên nhóm 2, hoặc nhôm kính, sắt giả gỗ, nhựa composite tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền và có hoa sắt, inox.. bảo vệ.

- Các phòng Viện trưởng, phó viện trưởng VKSND các cấp (gọi tắt là lãnh đạo đơn vị), phòng họp chung, phòng tiếp khách, phòng truyền thống, hội trường cơ quan (nếu có) được trang trí nội thất như: ốp gỗ, làm trần trang trí.

- Phòng làm việc của lãnh đạo đơn vị, phòng trực nghiệp vụ được thiết kế có vệ sinh riêng khép kín.

2. Nhà lưu trú công vụ

- Số tầng: phù hợp với quy hoạch của địa phương và tổng thể của dự án.
- Cơ cấu các phòng: Nhà lưu trú công vụ gồm các phòng nghỉ (phòng nghỉ có vệ sinh khép kín). Riêng phòng nghỉ được thiết kế và bố trí nội thất (trần thạch cao, tủ quần áo ...). Đối với một số địa phương do yêu cầu đặc thù về phong tục tập quán đối với VKSND cấp khu vực có thể thiết kế khu vệ sinh tập trung (không thiết kế vệ sinh khép kín).
- Chiều rộng hành lang thông thủy tuân thủ Tiêu chuẩn Việt Nam số 4601:2012.
- Mái đổ bê tông, trên lợp ngói hoặc lợp tôn chống nóng chống thấm; Nền các phòng, hành lang lát gạch granit, ceramic hoặc tương đương; Bậc tam cấp lát đá granit hoặc tương đương. Tường trần bả ma tít, lăn sơn hoặc làm trần thạch cao.

- Hệ thống cửa đi: gỗ tự nhiên nhóm 2, gỗ công nghiệp, nhựa composite hoặc cửa sắt giả gỗ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền.

- Hệ thống cửa sổ: sử dụng gỗ tự nhiên nhóm 2, hoặc nhôm kính, sắt giả gỗ, nhựa composite tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền và có hoa sắt, inox.. bảo vệ.

Lưu ý: Trong trường hợp diện tích đất xây dựng trụ sở nhỏ, có thể gộp nhà lưu trú công vụ vào hạng mục nhà làm việc.

3. Nhà ăn, bếp

Chiều cao thông thủy tối đa 3,6m, mái đổ bê tông, lợp ngói hoặc tôn tùy theo kiến trúc cho phù hợp với kiến trúc tổng thể, cửa đi, cửa sổ: gỗ tự nhiên nhóm 2, gỗ công nghiệp, nhôm kính, nhựa composite hoặc cửa sắt giả gỗ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền. Cửa sổ có hoa sắt, inox ... bảo vệ. Trong từng trường hợp cụ thể có thể có thể gộp vào nhà lưu trú công vụ.

4. Nhà bảo vệ

Chiều cao thông thủy tối đa 3,6m, mái đổ bê tông, lợp ngói hoặc tôn tùy theo kiến trúc cho phù hợp với kiến trúc tổng thể, cửa đi, cửa sổ: gỗ tự nhiên nhóm 2, gỗ công nghiệp, nhôm kính, nhựa composite hoặc cửa sắt giả gỗ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền. Cửa sổ có hoa sắt, inox .. bảo vệ.

5. Nhà tiếp công dân

Trường hợp quỹ đất cho phép các đơn vị tách diện tích tiếp công dân thành một hạng mục riêng để thuận tiện cho công tác tiếp công dân và không ảnh hưởng đến môi trường làm việc của cán bộ công chức trong đơn vị hoặc bố trí phòng tiếp công dân thuộc hạng mục nhà làm việc.

Nhà tiếp công dân có chiều cao thông thủy tối đa 3,6m, mái đổ bê tông, lợp ngói hoặc tôn tùy theo kiến trúc cho phù hợp với kiến trúc tổng thể, cửa đi, cửa sổ: gỗ tự nhiên nhóm 2, gỗ công nghiệp, nhôm kính, nhựa composite hoặc cửa sắt giả gỗ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương vùng miền. Cửa sổ có hoa sắt, inox .. bảo vệ. Nhà tiếp công dân được bố trí khu vệ sinh riêng.

Lưu ý: Trong từng trường hợp cụ thể có thể gộp nhà bảo vệ + tiếp công dân thành một hạng mục.

6. Gara ô tô, nhà xe 2 bánh

Nhà khung, cột, mái bê tông cốt thép hoặc khung thép trên lợp tôn chống nóng, chống thấm, chiều cao tối đa 3,3m. Nền đổ bê tông, cửa nhôm cuốn, cửa sắt hoặc nhà khung thép mái tôn, nền đổ bê tông, kiến trúc phù hợp quy hoạch chung.

Lưu ý: Tùy theo diện tích khu đất xây dựng và quy hoạch của địa phương cho phép các đơn vị được hợp khối gara ô tô, nhà xe 2 bánh vào một hạng mục hoặc hợp khối vào nhà làm việc, nhà lưu trú công vụ.

7. Nhà để máy phát điện, máy bơm

Nhà khung, cột, mái bê tông cốt thép, trên lợp tôn chống nóng, chống thấm, chiều cao tối đa 3,3m. Nền đổ bê tông, cửa nhôm hoặc cửa sắt, kiến trúc phù hợp quy hoạch chung.

Lưu ý: Trong trường hợp diện tích đất xây dựng trụ sở nhỏ, hoặc phương án thiết kế cụ thể có thể gộp nhà để máy phát điện, máy bơm vào hạng mục nhà làm việc hoặc các hạng mục khác.

8. Khu rèn luyện thể chất

8.1. Nhà rèn luyện thể chất có mái che

Nhà rèn luyện thể chất có mái che phù hợp với nhu cầu công năng sử dụng của đơn vị và kiến trúc phù hợp quy hoạch chung đảm bảo tiết kiệm tránh lãng phí. Nhà khung, cột, bê tông cốt thép hoặc khung thép trên lợp tôn.

8.2. Khu rèn luyện thể chất ngoài trời

Tùy vào nhu cầu sử dụng của các đơn vị và diện tích khu đất có thể xây dựng khu rèn luyện thể chất ngoài trời phù hợp quy hoạch chung đảm bảo tiết kiệm tránh lãng phí.

9. Cổng hàng rào, biển hiệu cơ quan

Quy mô tùy thuộc diện tích đất được giao để xây dựng trụ sở. Cổng chính có biển hiệu cơ quan; hàng rào xung quanh đảm bảo an ninh, an toàn của trụ sở cơ quan.

10. Sân, đường nội bộ, cây xanh

Quy mô diện tích cần tính toán hợp lý phù hợp với mật độ xây dựng theo quy hoạch và diện tích xây dựng các hạng mục công trình, diện tích đất xây dựng, đảm bảo sử dụng thuận tiện giữa các hạng mục công trình; diện tích đất còn lại trồng cây xanh bóng mát đảm bảo tiết kiệm kinh phí.

Tổng diện tích sân, đường nội bộ tối đa đối với cấp tỉnh và tương đương là 4.000m²; cấp khu vực và tương đương là 2.500m²

Sân, đường nội bộ: đổ bê tông hoặc rải nhựa asphalt hoặc lát gạch, lát đá.

Sân vườn, cây xanh: các đơn vị chỉ trồng thảm cỏ, cây xanh, cây bóng mát, không trồng các loại cây dễ gãy, dễ gây mối mọt, có hoa quả thu hút ruồi, muỗi, có mùi khó chịu trong cơ quan.

11. Thông tin liên lạc, mạng Internet, truyền hình hội nghị trực tuyến, Camera

Lắp đặt hệ thống mạng điện thoại, mạng internet, mạng truyền hình hội nghị trực tuyến đồng bộ (bao gồm cả thiết bị) đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc và phục vụ các hội nghị, hội họp trực tuyến của Ngành từ VKSND tối cao đến VKSND cấp khu vực.

Lắp đặt hệ thống camera an ninh bên trong, bên ngoài công trình.

12. Hệ thống điện, trạm biến áp, máy phát điện dự phòng

- Hệ thống điện trong nhà: Thiết kế đảm bảo đồng bộ, thẩm mỹ công trình và phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam.

- Hệ thống điện ngoài nhà: Cấp điện ngoài nhà dùng hệ thống dây cáp điện đi ngầm dưới đất cấp đến các hạng mục công trình, cột đèn chiếu sáng ngoài nhà dùng cột đèn chiếu sáng gắn đèn cao áp.

- Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng: trong trường hợp cần thiết có thể được đầu tư trạm biến áp và phải tính toán công suất phù hợp với quy mô công trình và đảm bảo quy hoạch về vị trí trạm biến áp của Điện lực địa phương. Máy phát điện dự phòng được lắp đặt và tính toán đảm bảo công suất chiếu sáng cho các phòng làm việc, hội họp và thang máy (nếu có) khi mất điện nguồn (không bao gồm chạy các thiết bị điều hòa, bình nóng lạnh).

13. Hệ thống cấp thoát nước

- Hệ thống cấp thoát nước trong nhà: Thiết kế đảm bảo đồng bộ, thẩm mỹ công trình và phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam.

- Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà: Mức độ lắp đặt phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện làm việc, hoạt động của đơn vị.

14. Hệ thống chống sét

Thiết kế đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam.

15. Hệ thống điện, nước nóng năng lượng mặt trời

Một số địa phương có số giờ nắng cao có thể đề xuất lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời và hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời.

16. Phòng cháy chữa cháy

Thiết kế đồng bộ theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy và theo Luật phòng cháy chữa cháy hiện hành.

17. Phù hiệu ngành, cột cờ

- Phù hiệu ngành gồm: Phù hiệu ngành gắn trên mặt chính nhà làm việc và phù hiệu ngành để treo ở các phòng họp chung hoặc hội trường của đơn vị. Vị trí lắp đặt và kích cỡ phù hiệu ngành theo mẫu và hướng dẫn của VKSND tối cao.

- Cột cờ: Cột cờ được dùng để gắn cờ Đảng, cờ Tổ quốc Việt Nam, bố trí phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng công trình.

18. Phòng chống môi

Đối với các trụ sở VKSND các cấp cần có giải pháp phòng chống môi theo quy định.

19. Tiêu chuẩn vật liệu xây dựng và các thiết bị sử dụng cho công trình

Khuyến khích sử dụng vật liệu, thiết bị có chất lượng cao đảm bảo sử dụng lâu dài (ưu tiên sử dụng vật liệu trong nước).

VI. TRANG THIẾT BỊ

1. Thang máy

Tùy theo nhu cầu sử dụng việc bố trí thang máy chỉ áp dụng cho công trình cao từ 04 tầng trở lên (các trường hợp khác do lãnh đạo VKSND tối cao quyết định trước khi thực hiện).

2. Điều hòa

Điều hòa được lắp cho các phòng như sau: Phòng họp chung đơn vị, hội trường (nếu có), phòng làm việc lãnh đạo đơn vị, phòng lưu trữ, phòng tiếp công dân, phòng trực nghiệp vụ, phòng tiếp khách, phòng làm việc của cán bộ công chức, người lao động... và phòng nghỉ (sử dụng cho nhà lưu trú công vụ), phòng ăn. Đối với VKSND cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên có thể trang bị hệ thống điều hòa trung tâm hoặc hệ thống điều hòa Multi (một dàn nóng nhiều dàn lạnh).

Lưu ý: Khi thiết kế hệ thống điều hòa các Chủ đầu tư cần rà soát lại thiết bị điều hòa tại trụ sở cũ có thể sử dụng được để tính toán cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Bình nóng lạnh

Bình nóng lạnh được lắp đặt trong phòng vệ sinh dành cho lãnh đạo đơn vị; phòng nghỉ nhà lưu trú công vụ, phòng trực nghiệp vụ và nhà ăn, bếp.

4. Thiết bị đồ gỗ, màn rèm

Phòng làm việc lãnh đạo đơn vị, phòng khách, phòng tiếp công dân được lắp đặt trang thiết bị như: Bàn, ghế, bộ bàn ghế tiếp khách, tủ hồ sơ và rèm cửa... Hội trường và phòng họp đơn vị được trang bị: Bàn ghế, bức tượng Bác, bức phát biểu, phong rèm, khẩu hiệu... Các phòng nghỉ nhà lưu trú công vụ được trang bị: Bàn, ghế, tủ, giường, rèm cửa, thiết bị nhà ăn, bếp... Các phòng làm việc còn lại được trang bị theo tiêu chuẩn quy định.

Đối với VKSND thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh: được trang bị tối đa 5.000 triệu đồng.

Đối với VKSND cấp tỉnh, Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm: được trang bị tối đa 3.000 triệu đồng.

Đối với VKSND cấp khu vực: được trang bị tối đa 1.500 triệu đồng.

Các trường hợp khác do lãnh đạo VKSND tối cao quyết định trước khi thực hiện.

Lưu ý: Các Chủ đầu tư khi lập dự toán chi tiết thiết bị cần rà soát lại thiết bị đồ gỗ tại trụ sở cũ có thể sử dụng được để tính toán cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ quy định, định mức sử dụng máy móc, thiết bị hiện hành của Chính phủ để thực hiện.

5. Các quy định khác

Ngoài các quy định cụ thể nêu trên, nếu có phát sinh nội dung khác Chủ đầu tư báo cáo lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

VII. XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

Đối với dự án đầu tư xây dựng đã được VKSND tối cao phê duyệt đang triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì vẫn áp dụng quy mô đầu tư xây dựng theo quyết định đã được phê duyệt. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh quy mô theo Quyết định này, các đơn vị báo cáo Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét quyết định./.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Phụ lục I

QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
VIỆN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM

(Kèm theo Quyết định số 129/VKSTC-C3 ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

T T	Chức danh	Tiêu chuẩn (m2/người)	Nhóm 1 (Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng)		Nhóm 2 (Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh)	
			Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích
I	Nhà làm việc		3,172		4,513	
A	Diện tích làm việc theo chức danh		50	835	85	1,430
1	Viện trưởng	40	1	40	1	40
2	Phó viện trưởng	30	3	90	4	120
3	Trưởng phòng	20	1	20	1	20
4	Phó trưởng phòng	20	2	40	2	40
5	Kiểm sát viên cao cấp	20	10	200	21	420
6	Kiểm sát viên, kiểm tra viên, chuyên viên và các chức danh tương đương	15	23	345	46	690
7	Hợp đồng lao động	10	10	100	10	100
B	Diện tích sử dụng chung - diện tích nhà bảo vệ tiếp dân, nhà để máy phát điện máy bơm, nhà ăn, bếp	(85%*A)-III-IV	527		973	
C	Diện tích chuyên dùng		1,810		2,110	
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm			78		78
2	Phòng hỏi cung bị can			84		84
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng			90		90
4	Kho vật chứng			120		120
5	Phòng trực nghiệp vụ			60		60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với cơ quan bên ngoài			81		81
7	Phòng họp liên ngành giải quyết án			120		120
8	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			900		1,200
9	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ			90		90
10	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến			70		70

T T	Chức danh	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Nhóm 1 (Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng)		Nhóm 2 (Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh)	
			Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích
11	Phòng điều hành trung tâm, theo dõi chỉ huy hỏi cung bị can và lưu trữ dữ liệu			39		39
12	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành			78		78
II	Nhà lưu trú công vụ		400		650	
III	Nhà ăn, bếp		90		150	
III	Nhà bảo vệ + tiếp dân		93		93	
1	Diện tích bảo vệ			15		15
2	Phòng chờ của công dân			26		26
3	Phòng tiếp công dân			52		52
IV	Ga ra ô tô		375		500	
V	Nhà xe 2 bánh		175		300	
VI	Nhà để máy phát điện, máy bơm		40		40	
VII	Khu rèn luyện thể chất					
1	Nhà rèn luyện thể chất có mái che		500		700	
2	Khu rèn luyện thể chất ngoài trời		700		1,000	
	Tổng cộng (m²)		4,845		6,946	

Ghi chú:

- Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

- Diện tích sử dụng chung bao gồm: phòng văn thư đánh máy hành chính quản trị, phòng nhân sao tài liệu; phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế); phòng họp, hội trường; phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và sách; phòng trung tâm dữ liệu, phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý tòa nhà; phòng truyền thống, phòng y tế, khu thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm, sảnh, hành lang, ban công, lô gia, nơi thu gom giấy loại và rác thải, nhà làm việc của đội xe, khu vệ sinh, diện tích phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Phụ lục II

QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VKSND CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 129/VKSTC-C3 ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

Đơn vị tính: m²

TT	Chức danh	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Nhóm 1 (Biên chế ≤90 người)		Nhóm 2 (Biên chế 91 - 120 người)		Nhóm 3 (Biên chế 121 - 150 người)		Nhóm 4 (Biên chế 151 - 180 người)	
			Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích
I	Nhà làm việc		4,211		5,214		6,197		7,179	
A	Diện tích làm việc theo chức danh		90	1,465	120	1,960	150	2,410	180	2,860
1	Viện trưởng	40	1	40	1	40	1	40	1	40
2	Phó viện trưởng	30	3	90	3	90	3	90	3	90
3	Trưởng phòng	20	8	160	11	220	11	220	11	220
4	Phó trưởng phòng	20	16	320	22	440	22	440	22	440
5	Kiểm sát viên, kiểm tra viên, chuyên viên và các chức danh tương đương	15	47	705	68	1,020	98	1,470	128	1,920
6	Hợp đồng lao động	10	15	150	15	150	15	150	15	150
B	Diện tích sử dụng chung - diện tích nhà bảo vệ tiếp dân, nhà để máy phát điện máy bơm, nhà ăn, bếp	(85%*A)-III-IV	1,002		1,373		1,706		2,038	
C	Diện tích chuyên dùng		1,744		1,881		2,081		2,281	
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm			52		52		52		52
2	Phòng hỏi cung bị can			56		56		56		56
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng			60		60		60		60
4	Kho vật chứng			80		80		80		80
5	Phòng trực nghiệp vụ			60		60		60		60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với cơ quan bên ngoài			54		54		54		54
7	Phòng họp ủy ban kiểm sát và ủy ban kiểm sát mở rộng			52		52		52		52
8	Phòng họp liên ngành giải quyết án			120		120		120		120
9	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			963		1,100		1,300		1,500
10	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ			60		60		60		60
11	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến			70		70		70		70
12	Phòng điều hành trung tâm, theo dõi chỉ huy hỏi cung bị can và lưu trữ dữ liệu			39		39		39		39
13	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành			78		78		78		78

TT	Chức danh	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Nhóm 1 (Biên chế ≤90 người)		Nhóm 2 (Biên chế 91 - 120 người)		Nhóm 3 (Biên chế 121 - 150 người)		Nhóm 4 (Biên chế 151 - 180 người)	
			Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích
II	Nhà lưu trú công vụ		550		750		950		1,150	
III	Nhà ăn, bếp		150		200		250		300	
IV	Nhà bảo vệ + tiếp dân		93		93		93		93	
1	Diện tích bảo vệ			15		15		15		15
2	Phòng chờ của công dân			26		26		26		26
3	Phòng tiếp công dân			52		52		52		52
V	Ga ra ô tô		500		625		750		875	
VI	Nhà xe 2 bánh		320		420		520		620	
VII	Nhà để máy phát điện, máy bơm		40		40		40		40	
VIII	Khu rèn luyện thể chất									
1	Nhà rèn luyện thể chất có mái che		700		700		1,000		1,000	
2	Khu rèn luyện thể chất ngoài trời		1,000		1,000		1,700		1,700	
	Tổng cộng (m²)		6,564		8,042		9,800		11,257	

Ghi chú:

- Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

- Diện tích sử dụng chung bao gồm: phòng văn thư đánh máy hành chính quản trị, phòng nhân sao tài liệu; phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế); phòng họp, hội trường; phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và sách; phòng trung tâm dữ liệu, phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý tòa nhà; phòng truyền thống, phòng y tế, kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm, sảnh, hành lang, ban công, lô gia, nơi thu gom giấy loại và rác thải, nhà làm việc của đội xe, khu vệ sinh, diện tích phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

Phụ lục III

QUY MÔ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VKSND CẤP KHU VỰC

(Kèm theo Quyết định số 129/VKSTC-C3 ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

Đơn vị tính: m²

TT	Chức danh	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Nhóm 1 (Biên chế ≤20 người)		Nhóm 2 (Biên chế 21 - 35 người)		Nhóm 3 (Biên chế 36 - 50 người)		Nhóm 4 (Biên chế 51 - 65 người)	
			Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích	Số người	Tổng diện tích
I	Nhà làm việc		1,108		1,603		2,024		2,520	
A	Diện tích làm việc theo chức danh		20	305	35	530	50	760	65	985
1	Viện trưởng	30	1	30	1	30	1	30	1	30
2	Phó viện trưởng	20	2	40	2	40	3	60	3	60
3	Kiểm sát viên, kiểm tra viên, chuyên viên và các chức danh tương đương	15	13	195	28	420	42	630	57	855
4	Hợp đồng lao động	10	4	40	4	40	4	40	4	40
B	Diện tích sử dụng chung - diện tích nhà bảo vệ tiếp dân, nhà để máy phát điện máy bơm, nhà ăn, bếp	(85%*A)-III-IV	147		319		489		660	
C	Diện tích chuyên dùng		656		754		775		875	
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm			26		26		26		26
2	Phòng hỏi cung bị can			28		28		28		28
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng			30		30		30		30
4	Kho vật chứng			30		40		40		40
5	Phòng trực nghiệp vụ			60		60		60		60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với cơ quan bên ngoài			27		27		27		27
7	Phòng họp liên ngành giải quyết án			39		39		60		60
8	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			312		400		400		500
9	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ			30		30		30		30
10	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến			35		35		35		35
11	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành			39		39		39		39
II	Nhà lưu trú công vụ		125		225		325		425	
III	Nhà ăn, bếp		45		65		90		110	
IV	Nhà bảo vệ + tiếp dân		67		67		67		67	
1	Diện tích bảo vệ			15		15		15		15
2	Phòng chờ của công dân			26		26		26		26
3	Phòng tiếp công dân			26		26		26		26
V	Ga ra ô tô		125		200		250		300	
VI	Nhà xe 2 bánh		70		125		175		225	
VII	Nhà để máy phát điện, máy bơm		20		20		20		20	
VIII	Khu rèn luyện thể chất									
1	Nhà rèn luyện thể chất có mái che		350		350		500		500	
2	Khu rèn luyện thể chất ngoài trời		350		350		700		700	
	Tổng cộng (m²)		1,910		2,655		3,451		4,167	

Ghi chú:

- Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc,

- Diện tích sử dụng chung bao gồm: phòng văn thư đánh máy hành chính quản trị, phòng nhân sao tài liệu; phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế); phòng họp, hội trường; phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và sách; phòng trung tâm dữ liệu, phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý tòa nhà; phòng truyền thống, phòng y tế, kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm, sảnh, hành lang, ban công, lô gia, nơi thu gom giấy loại và rác thải, nhà làm việc của đội xe, khu vệ sinh, diện tích phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.